



**HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM**  
**FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION**

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
 TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: \_\_\_\_\_  
 VEWL.#: \_\_\_\_\_  
 I-171#: Y NO  
 EXIT VISA#: \_\_\_\_\_

**POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM**  
**(Two Copies)**

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Huyñh Đãm Sán  
 Last Middle First

Current Address: 119 Nguyen Cong Nhan, Tam Chau, An Giang

Date of Birth: 01/02/40 Place of Birth: Chau Doc

Previous Occupation (before 1975) Major  
 (Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/07/75 To 12/09/80  
 Years: 6 Months: \_\_\_\_\_ Days: \_\_\_\_\_

3. SPONSOR'S NAME: Trana So Cam

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---|---------------------|
| <u>James A. Bridwell</u>                    | <u>Advisor</u>      |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: \_\_\_\_\_



16 February 1989.

James A. Bridwell

Dear Trang cam So,

I was very interested to receive your letter concerning my friend, Huynh dam San. I am happy to hear that he survives and is with his family, even though I am sure that he has experienced some very difficult circumstances since we last saw each other.

I would be interested in knowing how I could assist him to relocate to the U.S. through the orderly departure program.

Please write to me and explain how the program works, and exactly what my responsibilities would be as a sponsor for Ong San.

Very Truly Yours,



James A. Bridwell

- ông này là cố vấn ngay trước.

Kind gọi: FAMILIES OF VIETNAMESE

Kind thưa ông chủ tịch Hội Families.  
Tôi có người bạn là HUYNH - DÂN - SÂN.  
Lúc là chủ quản nhân, hiện thời  
đi Mỹ không có thân nhân tại Mỹ.  
Sau khi ông SÂN học tập cải tạo  
5 năm trong lao tù công - sản, hiện thời  
được trả tự do đang sống tại địa  
chỉ số: 119 đường NGUYỄN - CÔNG - NHÂN  
THỊ - TRẦN TÂN - CHÂU.  
TỈNH AN - GIANG.  
"South" Viet. NAM.

Kind nhờ Hội Families vui lòng giúp  
đỡ cho ông SÂN được đến Mỹ để  
tự nạn cháu trị công sản.

Kính - thưa...  
Bạn ông SÂN.  
Yêu

friend: TRAN - SO - CAM.  
2630 SANTA ANITA AVE #16  
EI MONTE CA. 91733.

Đính kèm: 1 - bản sao giấy ra trại.  
1 - bản lý - lịch.  
1 - Hết của ông James A. Bridwell.  
(cố vấn Mỹ của ông SÂN ngay  
kia).

NATIONAL OFFICE

Migration and purpose Service.  
1312 Mass. Avenue NW Washington DC.  
20-50 202/659 6625 Telex.  
710-820 1164 ATTN: U.S.A.

Political prisoner registration form.

The purpose of this form is to identify persons who  
are or were formerly interned in reeducation camp  
in Việt Nam so that eligibility for U.S. admission  
visa the O.D.P. can be established.

Applicant in Việt Nam

A. General Biography:

- Name: Huỳnh Đầm Sân
- Rank: Major
- Military serial number: 40 B/145.280
- Function: District chief (Huỳnh Tấn (Huỳnh Tấn)  
Trạm tâm phật giáo ở Phú Tân
- Date of birth: 2-1-1940
- Place of birth: Phú Tân - Châu Đốc

B. Name of accompanying relatives dependent:

- 1 - Dương Ngọc Thiệp
- 2 - Huỳnh Thị Bạch Ngọc
- 3 - Huỳnh Minh Kiệt
- 4 - Huỳnh Minh Hoàng
- 5 - Huỳnh Bích Thủy

C. Time spent in reeducation camp:

- From 7-5-1975 to 9-12-1980
- 5 years 7 months 2 days

Document attached.  
released certificate

Phú Tân 6. 9. 80  
Signature of applicant

Huỳnh Đầm Sân

SS. H. H. G. R. T.

SỐ HSLD

0 0 2 7 7 0 4 9 1 9 1 2 R

# GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ

Thực hành án văn, quyết định thụ số 72 ngày 9 tháng 12 năm 1980

của

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây

Họ, tên khai sinh

Huỳnh dâm Sản

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm

1940

Nơi sinh

Nơi đóng ký nhân khẩu thường trú trước khi bắt

200 Đại thôn, Phước hảo, Châu Thành, Tiền Giang

Cau tội Thiếu tá trung uân phó tiếp tá

Bị bắt ngày

An phạt

Theo quyết định, án văn số 72 ngày 9 tháng 12 năm 1980

Đã bị tống tù lần, cộng thành năm

Đã được giảm án lần, cộng thành tháng

Nay về cư trú tại 200 Đại thôn, Phước hảo, Châu Thành, Tiền Giang

Nhận xét quá trình cải tạo

Đã thấy được tội lỗi, ăn tâm trong cải tạo, tin tưởng vào đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước.

Leo động: Tích cực chịu khó luôn hoàn thành mức khoán trên giao, ngày giờ công đảm bảo có chất lượng.

Nội tâm: Chưa có vi phạm gì lớn, học tập có thực tham gia giữ gìn trật tự nội bộ. Hàng năm xếp loại cải tạo khá.

Lưu tay bên trái

Cos. Huỳnh dâm Sản

Đang báo số 4513

Lưu tại Quân pháp

Họ, tên chữ ký người được cấp giấy

Ngày 24 tháng 12 năm 1980

K/T Giám thị

Pho giám thị

Huỳnh dâm Sản. Thiếu tá: Phạm ngọc Bân

FR-So. CAM-TRANG-



- Xaus (có lỗi vấn Mỹ  
nếu họ sponsor ở đây)

- GY  
thứ cho ông họ  
họ có việc thì  
cho ông có vấn

APR 07

chưa cho họ  
bản sao nếu có  
luật liên tịch  
cho họ 2 lần

FAMILIES OF VIETNAMESE  
POLITICAL PRISONERS ASSOC.  
P.O. BOX 5135  
ARLINGTON, VA 22205-4635

CONTROL

- Card
- Doc. Request; Form 09/19/89
- Release Order
- Computer
- Form "D"
- ODP/Date \_\_\_\_\_
- Membership; Letter

INTAKE FORM (Two Copies)  
 MAU DON VE LY-LICH  
 \*\*\*\*\*

NAME (Ten Tu-nhan) : HUYNH DAM SAN  
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 01 02 40  
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): \_\_\_\_\_

MARITAL STATUS Single (Doc than): \_\_\_\_\_ Married (Co lap gia dinh): X  
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 119 Nguyen Cong Nhan, Thi tran Tan Chau, An Giang, Vietnam  
 (Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) \_\_\_\_\_  
 If Yes (Neu co): From (Tu): 1975 To (Den): 12/24/80

PLACE OF RE-EDUCATION: Tan Lap  
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Major

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): \_\_\_\_\_  
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Thieu Ta Trung Tam Pho  
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): \_\_\_\_\_  
 Date (nam): \_\_\_\_\_

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): \_\_\_\_\_  
 IV Number (So ho so): 235-528  
 No (Khong): \_\_\_\_\_

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 5 nguoi  
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 119 Nguyen Cong Nhan  
Thi Tran Tan Chau, An Giang, Vietnam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):  
JAMES A. BRIDWELL

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): \_\_\_\_\_

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Friend

NAME & SIGNATURE: Trang Cam So  
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT  
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) \_\_\_\_\_

DATE: 09 25 89  
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH DAM SAN  
 (Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|--|---------------|---------------------|
| VUONG NGOC THUY                          | 10/28/41      | Wife                |
| HUYNH THI BACH NGOC                      | 04/13/65      | Daughter            |
| HUYNH MINH TRIET                         | 06/05/70      | Son                 |
| HUYNH MINH HOANG                         | 07/27/72      | Son                 |
| HUYNH BICH THUY                          | 07/09/74      | Daughter            |
|  |               |                     |
|  |               |                     |
|  |               |                     |
|  |               |                     |
|  |               |                     |
|  |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :

SS. H76 GRT

SS HSLD 0 0 9 2 7 7 0 4 9 1 9 1 2 1 1

### GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ  
Thị hành án văn, quyết định thụ số 72 ngày 9 tháng 12 năm 1980

của Độc hại Nguyễn Văn

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau

Họ, tên khai sinh Huỳnh dâm Sản

Họ, tên thường gọi Phước hạo

Họ, tên bí danh Đức

Sinh ngày 1940 tháng 12 năm 1940

Nơi sinh Châu Đức

Nơi đang ký nhân khẩu thường trú trước khi bắt 200 Đại thôn, Phước hạo, Châu Thành, Đồng Nai

Cau tội Thiếu tá trung cấp phó cấp 4

Bị bắt ngày 7-5-75 An phạt TĐT

Theo quyết định, án văn số 72 ngày 9 tháng 12 năm 1980



Đã bị tống án 1 lần, cộng thành 1 năm

Đã được giảm án 1 lần, cộng thành 1 tháng

Nay về cư trú tại 200 Đại thôn, Phước hạo, Châu Thành, Đồng Nai

Nhân xét quá trình cải tạo

Đã thấy được tội lỗi, ăn tâm trong cải tạo, tin tưởng vào đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước.

Lao động: Tích cực chịu khó luôn hoàn thành các công tác phân giao, ngày giờ công đem tới có chất lượng.

Học tập: Chưa có sai phạm gì lớn, học tập có thực tham gia cầu cứu tranh đấu phạm. Hàng năm xếp loại cải tạo khá.

Lên tay ngôn trở phải

Cos. Huỳnh dâm Sản

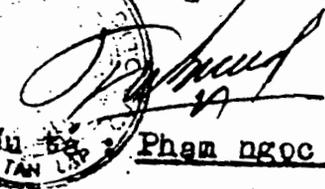
Danh bân số 4513

Lập tại Quận

Họ, tên chữ ký người được cấp giấy

Ngày 24 tháng 12 năm 1980

K/T Giám thị  
Phó giám thị



Huỳnh dâm Sản. Thiếu tá: Phạm ngọc Bân

Chứng thật Mrs. Huỳnh - Dân - Sản  
có liên hệ với CĐ của gia đình  
xin làm thủ tục đại diện xử  
lý việc.

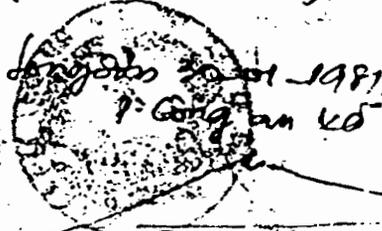
Giữa năm 1971-1981

LLB ND X

liệt

xác nhận

Huỳnh Dân Sản có đến  
trình giải ra hạt. Vật hiện  
nay gửi cấp Long Hưng xã  
Long Sơn Huyện Thủ Đức  
TP. Hồ Chí Minh.



Nguyễn Văn Liên

Lâm Thanh Liên

Đang chờ xử lý

Nguyễn Văn Liên

LLB ND X : ...



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 235-528

VEWL.#: \_\_\_\_\_

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: \_\_\_\_\_

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH SAN DAM  
Last Middle First

Current Address: 119 Nguyen Cong Nhan, Thi Tran Tan Chau, An Giang, Vietnam

Date of Birth: 01/02/40 Place of Birth: Chau Doc, Vietnam

Previous Occupation (before 1975) Thieu Ta Trung Tam Pho Tiep Lieu  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/07/75 To 12/24/80  
Years: 5 Months: 7 Days: \_\_\_\_\_

3. SPONSOR'S NAME: TRANG CAM SO  
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---|---------------------|
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.



NATIONAL OFFICE

Migration and purpose Service.  
1312 Mase avenue NW Washington DC.  
20-50 202/659 6625 Telex.  
710-820 1164 ATTN: U.S.A.

— x —  
political prisoner registration form.

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in reeducation camp in Việt Nam so that eligibility for U.S. admission visa the O.D.P can be established.

Applicant in Việt Nam

A. General Biography:

- Name: Huỳnh Đầm Sấn  
- Rank: Major  
- Military serial number: 40 B/145.280  
- Function: District chief Kiên Tân (Kiên Giang)  
Trung tâm phố thị cư Phú Quốc.  
- Date of birth: 2-1-1940  
- place of birth: Phú Hữu - Châu Đốc

B. Name of accompanying relatives dependent:

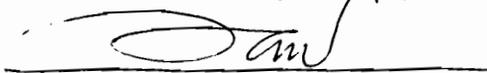
- 1 - Dương Ngọc Thủy
- 2 - Huỳnh Thị Bạch Ngọc
- 3 - Huỳnh Minh Giết
- 4 - Huỳnh Minh Hoàng
- 5 - Huỳnh Bích Thủy

C. Time spent in reeducation camp:

- From 7-5-1975 to 9-12-1980
- 5 years 7 months 2 days.

Document attached:  
1 released certificate

Phú Tân 1-6-1988  
Signature of applicant

  
Huỳnh Đầm Sấn

16 February 1989.

James A. Bridwell

Dear Trang cam So,

I was very interested to receive your letter concerning my friend, Huynh dam San. I am happy to hear that he survives and is with his family, even though I am sure that he has experienced some very difficult circumstances since we last saw each other.

I would be interested in knowing how I could assist him to relocate to the U.S. through the orderly departure program.

Please write to me and explain how the program works, and exactly what my responsibilities would be as a sponsor for Ong San.

Very Truly Yours,



James A. Bridwell



HUYỀN - ĐAM - SÂN

Sinh 1940

..

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TÒA SỞ THẨM

Châu-đốc

PHÒNG LỤC SỰ

TRÍCH-LỤC VĂN-KIỆN THẺ-VỊ HỘ-TỊCH LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG LỤC-SỰ

TÒA SỞ-THẨM CHÂU-ĐỐC

(1) Ngày 12-4-1956

Giấy thẻ vị Khai-sanh

cho Huỳnh-dầm-Sán

(1) Số: 438

Một bản chánh giấy thẻ-vị Khai-sanh

cấp cho Huỳnh-dầm-Sán

do Ông. Nguyễn-vọng-Tho Chánh-An Tòa HGRQ. -Châu-đốc

với tư-cách Thẩm-Phán Hòa-Giải, cấp ngày 12 tháng 4 năm 1956  
và đã trước-bạ;

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY:

Đặng-minh-Kỷ, Nguyễn-văn-Liêm, Trần-văn-Đó.

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1951 và sau khi tuyên thệ, quả-quyết và biết chắc rằng:

Huỳnh-dầm-Sán, nam sanh ngày 2-1-1940 tại lạng Phú-hữu (Châu-đốc) con của Huỳnh-văn-Chụ (chết) và Lê-thị-Nam.

Vị số hộ-tịch đã bị thất lạc./-

Lệ-phi 15/00 BL số: 242.

(1) Lập lại số ngày tháng và năm 1/8.  
văn đây mỗi khi xin trích lục.

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Châu-đốc, ngày 08 tháng 01 năm 1973.

CHÁNH LỤC-SỰ.



DƯƠNG-THANH-TÙNG



Vương Ngọc-THÚY

Sinh 1941

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ VINH-BÌNH

(GREFFE DU TRIBUNAL DE \_\_\_\_\_)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Long - Dũ (Travinh)  
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)  
(Sud Viet-Nam)

NĂM 1941  
(Année)

SỐ HIỆU 776  
(Acte No)

|  |                       |
|--|-----------------------|
| Tên, họ đứa con nít<br>(Nom et prénom de l'enfant) | Vương - ngọc - Thủy   |
| Nam, nữ<br>(Sexe de l'enfant)                      | Fille                 |
| Sinh ngày nào<br>(Date de naissance)               | 28 Octobre 1941       |
| Sinh tại chỗ nào<br>(Lieu de naissance)            | Long-Dũ (Travinh)     |
| Tên, họ cha<br>(Nom et prénom du père)             | Vương - Nghiễn        |
| Cha làm nghề gì<br>(Sa profession)                 | Instituteur           |
| Nhà cửa ở đâu<br>(Son domicile)                    | Thanh-Phước (Travinh) |
| Tên, họ mẹ<br>(Nom et prénom de la mère)           | Trịnh-thị-Cải         |
| Mẹ làm nghề gì<br>(Sa profession)                  | Ménagère              |
| Nhà cửa ở đâu<br>(Son domicile)                    | Thanh-Phước           |
| Vợ chánh hay thứ<br>(Son rang de femme mariée)     | Femme de 1er rang     |

Chúng tôi  
(Nous)

Chánh-án Toà  
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của  
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông  
(M)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.  
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Trích y bản chánh,  
(Pour extrait conforme)

Vinh-Bình, ngày 26 / 6 / 1969

CHÁNH LỤC-SỰ,  
LE GREFFIER EN CHEF

ngày 1969  
CHÁNH-ÁN,  
KHAI THỰC

*Phạm-vĩ-Thường*  
CHÁNH LỤC-SỰ

Giá tiền: 2.00

Biên-lai số: 6471/15

*[Signature]*

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Kiên-Giang

QUẬN Kiên-Tân

XÃ Thanh-Đông

Số hiệu: 243

# TRÍCH - LỤC ĐỒ KHAI - SANH

Lập ngày 12 tháng 7 năm 1974.

*Nguyễn*

|                                 |   |
|---------------------------------|---|
| Tên họ đứa trẻ                  | HUỲNH-BÍCH-THỦY                                     |
| Con trai hay con gái            | NỮ  |
| Ngày sanh                       | Chín, tháng bảy dl một ngàn chín trăm bảy mươi bốn, |
| Nơi sanh                        | Xã Thanh-Đông                                       |
| Tên họ người cha                | Huỳnh-Đàm-Sấn                                       |
| Tên họ người mẹ                 | Vương-Ngọc-Thủy                                     |
| Vợ chánh hay không có hôn - thú | Chánh HT 433/ 30-10-69                              |
| Tên họ người đứng khai          | Huỳnh-Đàm-Sấn                                       |

## TRÍCH - LỤC Y BẢN CHÁNH :

Thanh-Đông, ngày 22 tháng 7 năm 1974



KIỂM HỘ-TỊCH.

*Nguyễn Văn...*



HUỶNH - TRIẾT

• 1970 •

BÍCH - HUỶ

• 9-7-74 •

# KHAI SANH

HS 369

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| Ấu-nhi<br>(Tên, họ)               | HỖNH - MINH - TRIẾT                       |
| Phái                              | Nam                                       |
| Sanh<br>(ngày tháng năm)          | Hăm tháng sáu một ngàn chín trăm bảy mươi |
| Tại                               | Xã Thanh-Dông                             |
| Cha<br>(Tên, họ)                  | Huỳnh-Dũng-Sân                            |
| Tuổi                              | Ba mươi                                   |
| Nghề-nghiệp                       | Quân-nhân                                 |
| Cư-trú tại                        | Xã Thanh-Dông                             |
| Mẹ<br>(Tên, họ)                   | Vương-Ngọc-Thủy                           |
| Tuổi                              | Hai mươi chín                             |
| Nghề-nghiệp                       | Hũ Hộ-Sinh Quốc-Dia                       |
| Cư-trú tại                        | Xã Thanh-Dông                             |
| Vợ (chánh hay vợ thứ)             | Chánh HT 433 - 69                         |
| Người khai                        | Nguyễn-Văn-Tông                           |
| Tuổi                              | Hai mươi sáu                              |
| Nghề-nghiệp                       | Quân-nhân                                 |
| Cư-trú tại                        | Xã Thanh-Dông                             |
| Ngày khai                         | Ngày 9 tháng 6 năm 1970                   |
| Người chứng thứ nhất<br>(Tên, họ) | Nguyễn-Thanh-Phong                        |
| Tuổi                              | Ba mươi lăm                               |
| Nghề-nghiệp                       | Làm ruộng                                 |
| Cư-trú tại                        | Xã Thanh-Dông                             |
| Người chứng thứ hai<br>(Tên, họ)  | Nguyễn-Văn-Tông                           |
| Tuổi                              | Bốn mươi                                  |
| Nghề-nghiệp                       | Làm ruộng                                 |
| Cư-trú tại                        | Xã Thanh-Dông                             |

Chứng nhận chữ ký  
tên của Ủy-Viên Hộ-Tịch  
Thị trấn Mỹ Lộ, thị trấn huyện  
Mỹ Lộ, thị trấn huyện Mỹ Lộ

*Chức*

NGUYỄN-VĂN-BÌNH



Lập tại Thanh-Dông, ngày 9 tháng 6 năm 1970

SAO Y THỜI ĐỒI  
Thanh-Dông, ngày 18 tháng 6 năm 1970  
Ủy-Viên Hộ-Tịch

Người khai  
Nguyễn-Văn-Tông  
(Ký)

Hộ lý  
Đặng-Xuân  
(Ký)

Người chứng  
Nguyễn-Thanh-Phong  
(Ký)  
Nguyễn-Văn-Tông  
(Ký)

*Đặng Xuân*

pháp hóa chữ ký  
THANH-DÔNG  
KIẾN TÂN, ngày 6 năm 1970

ĐẶNG XUÂN

LÊ-VĂN-C  
PHÚC-SY



Huyich - Thi - Bich - Ngoc

Sais. 1965

-





Hys - Miss -  
Hoay -  
1972

# KHAI SANH

Số hiệu: 525

|                                  |  |
|----------------------------------|--|
| Ấu-nhi:<br>(Tên họ).             | Huỳnh-Minh-Hoàng   |
| Phái                             | Nam  |
| Sinh (Ngày tháng năm)            | Hai mươi bảy tháng bảy năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai |
| Tại:                             | Xã Thanh-Đông  |
| Cha<br>(Tên họ).                 | Huỳnh-Dâm-Sán  |
| Tuổi                             | Ba mươi hai  |
| Nghề-nghiệp:                     | Quân-nhân  |
| Cư-trú tại:                      | Quận Kiên-Tân  |
| Mẹ:<br>(Tên họ)                  | Vương-ngọc-Thuy  |
| Tuổi:                            | Ba mươi một  |
| Nghề-nghiệp:                     | Nữ Hộ-Sinh QĐ  |
| Cư-trú tại:                      | Quận Kiên-Tân  |
| Vợ (chánh hay vợ thứ)            | Chánh HT. 433/30/10/69                                     |
| Người khai:                      | Nguyễn-văn-Mông  |
| Tuổi                             | Hai mươi tám   |
| Nghề-nghiệp                      | Quân nhân  |
| Cư-trú tại                       | Xã Thanh đông  |
| Ngày khai                        | Hai mươi tám tháng bảy năm 1972                            |
| Người chứng thứ nhất<br>(Tên họ) | Lương-quang-Tâm  |
| Tuổi:                            | Ba mươi tám  |
| Nghề-nghiệp                      | Đuôn-bán   |
| Cư-trú tại                       | Xã Thanh Đông  |
| Người chứng thứ hai<br>(Tên họ)  | Huỳnh-văn-Thuận  |
| Tuổi                             | Ba mươi sáu  |
| Nghề-nghiệp                      | Thợ máy  |
| Cư-trú tại:                      | Xã Thanh đông  |



NGUYỄN-VĂN-SÁ

Nhận được ngày 29 tháng 7 năm 1972  
 Ủy-Ban Kế-Hoạch-Chiến-Tranh-Xã  
 NGUYỄN-VĂN-SÁ

KIÊN-TÂN

SỐ 7 TRƯỞNG

Ngày 29 tháng 7 năm 1972

ỦY-VIÊN KẾ-HOẠCH

Lập tại Thanh-Đông ngày 28/7/1972

Người khai:

Hồ-lơ

Người chứng

Nguyễn-văn-Mông,  
(ký)

Phạm-tài-Liệu,  
(ký)

Lương-quang-Tâm (k)  
Huỳnh-văn-Thuận (k)

*Phạm Tài Liệu*

Công thư về việc chú nghĩa Việt Nam

Đến xin xuất cảnh sang Hoa Kỳ

Sở cảnh an ninh Angiang

Tên: HUYNH-DAM-SAN sinh ngày 2-1-1940  
tại Huế, cha mẹ: tên và quê: ...  
1962 là con út trong gia đình cha mẹ

Đã làm việc trong ngành bưu chính, ...  
ở Huế, ...  
tên thật là ...  
tên khác là ...

Đã đi làm việc ở Huế, ...  
tên thật là ...  
tên khác là ...

Đã đi làm việc ở Huế, ...  
tên thật là ...  
tên khác là ...

Đã đi làm việc ở Huế, ...  
tên thật là ...  
tên khác là ...

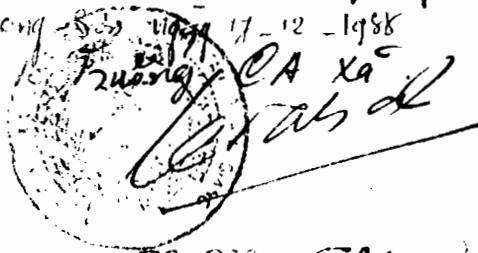
Đã đi làm việc ở Huế, ...  
tên thật là ...  
tên khác là ...

Đã đi làm việc ở Huế, ...  
tên thật là ...  
tên khác là ...

Yêu cầu

Một chung đơn xin Xuất Cảnh của  
ĐB Huyện Đầm Sơn Sơn năm 1940  
hiện ngụ ở Long Hưng, xã Long Sơn.  
Huyện Phú Xuân. Tỉnh an giang.  
Kính chuyển về Quan Thăm Quận giải quyết.

Long Sơn ngày 17-12-1988



Trương Văn Xá



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 235-528

VEWL.#: \_\_\_\_\_

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: \_\_\_\_\_

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH SAN DAM  
Last Middle First

Current Address: 119 Nguyen Cong Nhan, Thi Tran Tan Chau, An Giang, Vietnam

Date of Birth: 01/02/40 Place of Birth: Chau Doc, Vietnam

Previous Occupation (before 1975) Thieu Ta Trung Tam Pho Tiep Lieu  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/07/75 To 12/24/80  
Years: 5 Months: 7 Days: \_\_\_\_\_

3. SPONSOR'S NAME: TRANG CAM SO  
Name  
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---|---------------------|
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

INTAKE FORM (Two Copies)  
MAU DON VE LY-LICH  
\*\*\*\*\*

NAME (Ten Tu-nhan) : HUYNH DAM SAN  
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)  
DATE, PLACE OF BIRTH : 01 02 40  
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): \_\_\_\_\_

MARITAL STATUS Single (Doc than): \_\_\_\_\_ Married (Co lap gia dinh): X  
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 119 Nguyen Cong Nhan, Thi tran Tan Chau, An Giang, Viet  
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ~~X~~ No (Khong) \_\_\_\_\_  
If Yes (Neu co): From (Tu): 1975 To (Den): 12/24/80

PLACE OF RE-EDUCATION: Tan Lap  
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Major

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): \_\_\_\_\_  
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Thieu Ta Trung Tam Pho  
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): \_\_\_\_\_  
Date (nam): \_\_\_\_\_

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): \_\_\_\_\_  
IV Number (So ho so): 235-528  
No (Khong): \_\_\_\_\_

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 5 nguoi  
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiec

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 119 Nguyen Cong Nhan  
Thi Tran Tan Chau, An Giang, Vietnam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):  
JAMES A J BRIDWELL

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): \_\_\_\_\_

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Friend

NAME & SIGNATURE: Trang Cam So  
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT  
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) \_\_\_\_\_

DATE: 09 25 89  
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH DAM SAN  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|--|---------------|---------------------|
| VUONG NGOC THUY                          | 10/28/41      | Wife                |
| HUYNH THI BACH NGOC                      | 04/13/65      | Daughter            |
| HUYNH MINH TRIET                         | 06/05/70      | Son                 |
| HUYNH MINH HOANG                         | 07/27/72      | Son                 |
| HUYNH BICH THUY                          | 07/09/74      | Daughter            |
|  |               |                     |
|  |               |                     |
|  |               |                     |
|  |               |                     |
|  |               |                     |
|  |               |                     |
|  |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :

ss. H 76 GRT

Số HSLD 0 0 9 2 7 7 0 4 9 1 9 1 2 1 1

### GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ  
Thi hành án văn, quyết định thụ số 72 ngày 9 tháng 12 năm 1980

của ở một Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau

Họ, tên khai sinh Huỳnh dâm Sản

Họ, tên thường gọi ông anh Tuấn Ngọc

Họ, tên bí danh Đinh Văn Tuấn

Sinh ngày 1940 tháng 12 năm 1940

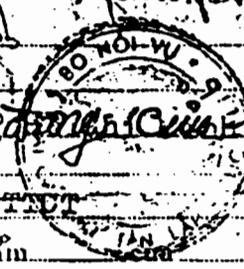
Nơi sinh Châu Đức

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú 200 Đại thôn, Phước hảo

Cau tội Thiếu tá trung tá phó tiếp

Bị bắt ngày 7-7-75 An phạt 1 năm

Theo quyết định, án văn số 72 ngày 9 tháng 12 năm 1980



Đã bị tống án 1 lần, cộng thành 1 năm

Đã được giảm án 1 lần, cộng thành 1 tháng

Nay về cư trú tại 200 Đại thôn, Phước hảo, Châu Thành

Nhận xét quá trình cải tạo

Đã thấy được tội lỗi, ăn tâm trong cải tạo, tin tưởng vào đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước.

Lao động: Tích cực chịu khó luôn hoàn thành mức khoán giao, ngày giờ công đảm bảo có chất lượng.

Học tập: Chăm chỉ học tập, học tập có thực thêm các kiến thức tranh đồng phạm. Hàng năm xếp loại cải tạo khá.

Lưu tay ngón trái phải

Cơ Huỳnh dâm Sản

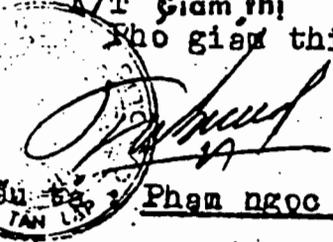
Đanh bìa số 4512

Lớp tại Quân pháp

Họ, tên chữ ký người được cấp giấy

Ngày 24 tháng 12 năm 1980

K/T Giám thị  
Thô giám thị



Huỳnh dâm Sản. Thiếu tá Phạm ngọc Bán



NATIONAL OFFICE

Migration and purpose Service.  
 1312 Mass Avenue NW Washington DC.  
 20-50 202/659 6625 Telex.  
 710-820 1164 ATTN: U.S.A.

political prisoner registration form.

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in reeducation camp in Việt Nam so that eligibility for U.S. admission visa the O.D.P. can be established.

Applicant in Việt Nam

A. General Biography:

- Name: Huỳnh Đầm Sơn
- Rank: Major
- Military serial number: 40 B/145.280
- Function: District chief Xuân Tân (Huân Giang)  
Trung tâm phố Hiệp cư Phú Quốc.
- Date of birth: 2-1-1940
- place of birth: Phú Hữu - Châu Đốc

B. Name of accompanying relatives dependent:

- 1 - Dương Ngọc Thủy
- 2 - Huỳnh Thị Bạch Ngọc
- 3 - Huỳnh Minh Tuyết
- 4 - Huỳnh Minh Hoàng
- 5 - Huỳnh Bích Thủy

C. Time spent in reeducation camp:

- From 7-5-1975 to 9-12-1980
- 5 years 7 months 2 days.

Document attached:  
 1 released certificate

Phú Tân 1-6-1988  
 Signature of applicant



Huỳnh Đầm Sơn

16 February 1989.

James A. Bridwell

Dear Trang cam So,

I was very interested to receive your letter concerning my friend, Huynh dam San. I am happy to hear that he survives and is with his family, even though I am sure that he has experienced some very difficult circumstances since we last saw each other.

I would be interested in knowing how I could assist him to relocate to the U.S. through the orderly departure program.

Please write to me and explain how the program works, and exactly what my responsibilities would be as a sponsor for Ong San.

Very Truly Yours,



James A. Bridwell



Huy N H. - Dina. Son

Sails 1940

...

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

TÒA SƠ THẨM

Châu-đốc

PHÒNG LỤC SỰ

TRÍCH-LỤC VĂN-KIỆN THẺ-VÌ HỘ-TỊCH LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG LỤC-SỰ

TÒA SƠ-THẨM CHÂU-ĐỐC

(1) Ngày 12-4-1956

Giấy thẻ vì Khai-sinh

cho Huỳnh-dần-Sấn

(1) Số: 438

Một bản chính giấy thẻ-vì Khai-sinh

cấp cho Huỳnh-dần-Sấn

do Ông. Nguyễn-vọng-Thọ Chánh-Án Tòa HGRQ. -Châu-đốc

với tư-cách Thẩm-Phán Hòa-Giải, cấp ngày 12 tháng 4 năm 1956

và đã trước-bạ;

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY:

Đặng-minh-Kỷ, Nguyễn-văn-Liêm, Trần-văn-Đội.

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc diều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1952 và sau khi tuyên thệ, quả-quyết và biết chắc rằng:

Huỳnh-dần-Sấn, nam sanh ngày 2-1-1940 tại lạng Phú-hữu (Châu-đốc) con của Huỳnh-văn-Chữ (chết) và Lê-thị-Năm.

Vì số hộ-tịch đã bị thất lạc./-

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÍNH

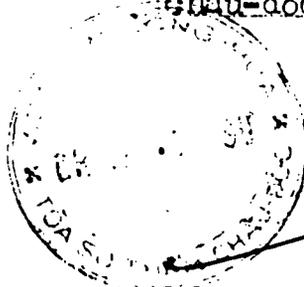
Châu-đốc, ngày 08 tháng 01 năm 1956

CHANG LỤC-SỰ.

Lệ-phi 1500 BL số: 242.

(1) Lập lại số ngày tháng và năm 1/8.

Ước đây mỗi khi xin trích lục.



DƯƠNG-THANH-TÙNG



• •  
VƯƠNG - NGỌC - THÚY

Sinh năm 1944

• •



PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ VINH-BÌNH

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH  
(Extrait du registre des actes de naissance)

Long - Đổ (Trevinh)

(NAM-PHẦN)  
(Sud Viêt - Nam)

NĂM 1961  
(Année)

SỐ HIỆU 776  
(Acte No)

|  |                       |
|--|-----------------------|
| Tên, họ đứa con nít<br>(Nom et prénom de l'enfant) | Vương - ngọc - Thủy   |
| Nam, nữ<br>(Sexe de l'enfant)                      | Fille                 |
| Sanh ngày nào<br>(Date de naissance)               | 28 Octobre 1961       |
| Sanh tại chỗ nào<br>(Lieu de naissance)            | Long-Đổ (Trevinh)     |
| Tên, họ cha<br>(Nom et prénom du père)             | Vương - Nghiễn        |
| Cha làm nghề gì<br>(Sa profession)                 | Instituteur           |
| Nhà cửa ở đâu<br>(Son domicile)                    | Thanh-Phước (Trevinh) |
| Tên, họ mẹ<br>(Nom et prénom de la mère)           | Trịnh-thị-Cái         |
| Mẹ làm nghề gì<br>(Sa profession)                  | Ménagère              |
| Nhà cửa ở đâu<br>(Son domicile)                    | Thanh-Phước           |
| Vợ chánh hay thứ<br>(Son rang de femme mariée)     | Femme de loi rang     |

Chúng tôi  
(Nous)

Chánh-án Toà  
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của  
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông  
(M)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại  
(Greffier en Chef du Tribunal)

Trích y bản chánh,  
(Pour extrait conforme)

Vinh-Bình, ngày 26 / 6 / 1961

CHÁNH LỤC-SỰ,  
LE GREFFIER EN CHEF

ngày 1961  
CHÁNH-ÁN,  
KHAI THỰC



Giá tiền: 2.00

Điện-lai số: 0471/15

Handwritten signature



Biết - THUY<sup>2</sup>

9-7-74

∴ ∴



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Kiên-Giang

QUẬN Kiên-Tân

XÃ Thạnh-Đông

Số hiệu: 243

# TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH

Lập ngày 12 tháng 7 năm 1974.

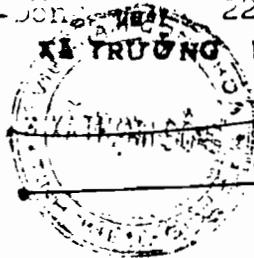
*Mau*

|                                    |  |
|------------------------------------|--|
| Tên họ đứa trẻ                     | HUỲNH-BÍCH-THỦY  |
| Con trai hay con gái               | NỮ   |
| Ngày sanh                          | Chín, tháng bảy di một ngàn chín<br>trăm bảy mươi bốn, |
| Nơi sanh                           | Xã Thạnh-Đông  |
| Tên họ người cha                   | Huỳnh-Đàm-Sấn  |
| Tên họ người mẹ                    | Vương-Ngọc-Thủy  |
| Vợ chánh hay không có<br>hôn - thú | Chánh HT 433/ 30-10-69                                 |
| Tên họ người đứng khai             | Huỳnh-Đàm-Sấn  |

## TRÍCH - LỤC Y BẢN CHÁNH :

Thạnh-Đông ngày 22 tháng 7 năm 1974

XÃ TRƯỞNG KIỂM HỘ-TỊCH.



*Mau*

*Ngày 12 tháng 7 năm 1974*



HUYỀN TRÍ

• 1970 •

• •

# KHAI SANH

HS 369

|                                   |   |
|-----------------------------------|---|
| Ấu-nhi<br>(Tên, họ)               | HỮNH - MINH - TRIẾT                       |
| Phái                              | Nam                                       |
| Sinh<br>(ngày tháng năm)          | Năm tháng sáu một ngàn chín trăm bảy mươi |
| Tại                               | Xã Thanh-Đông                             |
| Cha<br>(Tên, họ)                  | Huỳnh-Dũng-Sân                            |
| Tuổi                              | Ba mươi                                   |
| Nghề-nghiệp                       | Quân-nhân                                 |
| Cư-trú tại                        | Xã Thanh-Đông                             |
| Mẹ<br>(Tên, họ)                   | Vương-Ngọc-Thủy                           |
| Tuổi                              | Hai mươi chín                             |
| Nghề-nghiệp                       | Nữ Hộ-Vinh Quốc-Đia                       |
| Cư-trú tại                        | Xã Thanh-Đông                             |
| Vợ (chánh hay vợ thứ)             | Chánh HT 433 - 69                         |
| Người khai                        | Nguyễn-Văn-Hồng                           |
| Tuổi                              | Hai mươi sáu                              |
| Nghề-nghiệp                       | Quân-nhân                                 |
| Cư-trú tại                        | Xã Thanh-Đông                             |
| Ngày khai                         | Ngày 9 tháng 6 năm 1970                   |
| Người chứng thứ nhất<br>(Tên, họ) | Nguyễn-Thanh-Phong                        |
| Tuổi                              | Ba mươi tám                               |
| Nghề-nghiệp                       | Làm ruộng                                 |
| Cư-trú tại                        | Xã Thanh-Đông                             |
| Người chứng thứ hai<br>(Tên, họ)  | Nguyễn-Văn-Tông                           |
| Tuổi                              | Bốn mươi                                  |
| Nghề-nghiệp                       | Làm ruộng                                 |
| Cư-trú tại                        | Xã Thanh-Đông                             |

Chứng nhận chữ ký  
tên của Ủy-Viên Hộ-Vinh  
Tổ-Đoàn Hộ-Vinh



NGUYỄN-VĂN-ĐÌNH

Lập tại Thanh-Đông, ngày 9 tháng 6 năm 1970

SAC Y THẢO ĐỒI  
Thanh-Đông, ngày 19 tháng 6 năm 1970  
Ủy-Viên Hộ-Vinh

Người khai  
**Nguyễn-Văn-Hồng**  
(Ký)

Họ lại  
**Đặng-Khuân**  
(Ký)

Người chứng  
**Nguyễn-Thanh-Phong**  
(Ký)  
**Nguyễn-Văn-Tông**  
(Ký)

pháp hóa chữ ký  
**THANH-ĐÔNG**  
KIỂM TÁN, ngày 06 tháng 6 năm 1970



LÊ-VĂN-...  
PHÚC...

ĐẶNG KHUÂN



Huyus - Thi - Bich -  
NSP

ins 1965





Huyab - Mins  
Hoay -

Sis 1972

# KHAI SANH

Số hiệu: 525

|  |                                |
|--|--------------------------------|
| Ấu-nhi :<br>(Tên họ).  | Huỳnh-Minh-Hoàng               |
| Phái   | Nam                            |
| Sinh Hai mươi bảy tháng bảy di năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai<br>(Ngày tháng năm) |                                |
| Tại :  | Xã Thanh-Đông                  |
| Cha<br>(Tên họ).   | Huỳnh-Đàm-Sấn                  |
| Tuổi   | Ba mươi hai                    |
| Nghề-nghiệp :  | Quân-nhân                      |
| Cư-trú tại :   | Quận Kiên-Tân                  |
| Mẹ :<br>(Tên họ)   | Vương-ngọc-Thuy                |
| Tuổi :   | Ba mươi một                    |
| Nghề-nghiệp :  | Nữ Hộ-Sinh QĐ                  |
| Cư-trú tại :   | Quận Kiên-Tân                  |
| Vợ (chánh hay vợ thứ)  | Chánh HT. 433/30/10/69         |
| Người khai :   | Nguyễn-văn-Mông                |
| Tuổi   | Hai mươi tám                   |
| Nghề-nghiệp  | Quân nhân                      |
| Cư-trú tại   | Xã Thanh đông                  |
| Ngày khai  | Hai mươi tám tháng bảy di 1972 |
| Người chứng thứ nhất<br>(Tên họ)   | Lương-quang-Tâm                |
| Tuổi :   | Ba mươi tám                    |
| Nghề-nghiệp  | Đuôn-bán                       |
| Cư-trú tại   | Xã Thanh Đông                  |
| Người chứng thứ hai<br>(Tên họ)  | Huỳnh-văn-Thuần                |
| Tuổi   | Ba mươi sáu                    |
| Nghề-nghiệp  | Thợ may                        |
| Cư-trú tại :   | Xã Thanh đông                  |

KIÊN-TÂN

Luyện Binh năm 1970  
Ủy-ban Lành-Chính-Xã  
Xã THANH ĐÔNG



[Handwritten signature]

NGUYỄN-VĂN-SA

SAO Y THE  
Ủy viên Hội đồng

Lập tại Thanh-Đông ngày 28 / 7 / 1972

Người khai: Nguyễn-văn-Mông, (ký)  
 Hộ-lu: Phạm-tài-Liệu, (ký)  
 Người chứng: Lương-quang-Tâm (k), Huỳnh-văn-Thuần (k)

[Handwritten signature]

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Đề nghị xin xuất cảnh sang Hoa Kỳ

Kính gửi Bộ Nội vụ  
Sở Công An Tỉnh An Giang

Họ tên: HUYNH DẠM SAN Sinh ngày 2-1-1940  
tại Phú Hữu, Châu Đốc, Tân Hiệp, tỉnh An Giang  
Số hộ khẩu là 30 ở đường Hùng Vương, thị trấn Phú Tân  
huyện Phú Tân.

Đề nghị xin cấp giấy xin đi sang Hoa Kỳ theo chương trình xuất cảnh theo nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hội gia đình tại địa phương của tôi gồm:

1. Huỳnh Dăm Sơn - số 30 đường Hùng Vương Sơn
2. Vợ Nguyễn Thị Ngọc - số 31 - tổ 30 đường Hùng Vương Sơn
3. Huỳnh Thị Bạch Ngọc - số 119 đường Hùng Vương Sơn
4. Huỳnh Minh Cường - số 30 - tổ 30 đường Hùng Vương Sơn
5. Huỳnh Minh Hùng - số 32 - tổ 30 đường Hùng Vương Sơn
6. Huỳnh Minh Chấn - số 30 - tổ 30 đường Hùng Vương Sơn

Đề nghị cấp giấy đi sang Hoa Kỳ theo chương trình xuất cảnh theo nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Kính đề nghị  
Thị trấn Phú Tân, ngày 15 tháng 12 năm 1988

Nguyễn Văn Sơn